TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/HS-PT
Ngày 06 tháng 01 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Thảo
Ông Phạm Đình Khánh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thẩm tra viên.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tân, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 595A/2025/TLPT-HS ngày 05 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo Lê Hải Đ, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 683/2025/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Bị cáo có kháng cáo: **Lê Hải Đ**, sinh ngày 21/02/1970; giới tính: nam; nơi đăng ký thường trú và nơi ở: P D B, phường B, Quận H, thành phố Hà Nội (nay là: P B, phường H, thành phố Hà Nội); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; nguyên là Đảng viên Đ2 sinh hoạt đảng tại Chi bộ Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị Quận H (cũ), đã bị Quận ủy H1 ban hành Quyết định số 336-QĐ/QU ngày 24/12/2000 xóa tên đảng viên do vi phạm quy định Điều lệ Đảng "đảng viên bỏ sinh hoạt chi bộ mà không có lý do"; con ông Lê Văn Đ1 và bà Phạm Thị N; có vợ thứ nhất là Đỗ Thị Ngọc T (ly hôn năm 2004), vợ thứ hai là Lê Bích N1 (đã chết), vợ thứ ba là Nguyễn Thị Thanh L (ly hôn năm 2019); có 02 con sinh năm 1996 và 2012; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đầu thú ngày 17/6/2024, bị bắt tạm giữ ngày 18/6/2024, chuyển tạm giam từ ngày 21/6/2024 tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố H (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Lê Hải Đ (theo yêu cầu của Tòa án): Ông Đặng Văn S, Luật sư của Văn phòng L2 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H (có mặt).

- ***Bị hại:*** Bà Vy Thị T1, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: Số D Ngõ C đường M, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn (trước là: Số C đường M, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn); vắng mặt.

Ngoài ra, vụ án còn có 06 người làm chứng không có liên quan đến kháng cáo của bị cáo (Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/6/2022, chị Vy Thị T1 gửi đơn đến Công an thành phố H tố giác Nguyễn Thị Hải L1 và Lê Hải Đ có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị qua việc hứa hẹn chuyển đổi mục đích sử dụng đất, xin giảm án tù giam. Quá trình điều tra đã xác định cụ thể như sau:

Mặc dù không có mối quan hệ, không có khả năng xin chuyển đổi mục đích sử dụng, tách thửa đất cũng như xin giảm hình phạt cho người bị kết án. Khoảng tháng 10/2021, do cần tiền chi tiêu cá nhân, Nguyễn Thị Hải L1 và Lê Hải Đ đã đưa ra các thông tin gian dối có thể làm được thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, tách thửa và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Vy Thị T1 đối với thửa đất của ông Trần Văn C tại phường X, quận B, thành phố Hà Nội; bản thân có thể xin giảm nhẹ hình phạt cho con trai ông Trần Văn C khi bị xét xử tại tỉnh Vĩnh Phúc. Tin tưởng vào giới thiệu như trên, chị Vy Thị T1 đã chuyển cho L1 tổng số tiền 2.760.000.000 đồng (trong đó chuyển cho Lê Hải Đ 1.800.000.000 đồng). Sau khi nhận tiền, L1 và Đ không thực hiện như cam kết mà chiếm đoạt để chi tiêu cá nhân hết số tiền nêu trên. Hành vi của Nguyễn Thị Hải L1 đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Do Lê Hải Đ bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, bị can và ra lệnh truy nã đối với Lê Hải Đ. Ngày 17/5/2024, Lê Hải Đ đến Công an phường B, Quận H, thành phố Hà Nội đầu thú.

Sau khi phục hồi điều tra vụ án xác định hành vi của Đ như sau:

Lê Hải Đ quen biết Nguyễn Hải L1 từ năm 2016 qua hoạt động kinh doanh bất động sản. Do thấy Đ có nhiều mối quan hệ quen biết và có nhiều kiến thức về chính trị, xã hội và được Đ xác nhận đang công tác tại Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Hà Nội. Đến năm 2021, thông qua chị Nguyễn Thị V (làm môi giới bất động sản tự do) thì L1 biết Chị Vy Thị T1 đang có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tách thửa đối với thửa đất diện tích 1.200m^2 tại phường X, quận B đứng tên ông Trần Văn C. Lý trao đổi và được Lê Hải Đ hứa hẹn sẽ chuyển đổi được mục đích sử dụng đất, tách thửa, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt là: sổ đỏ) cho thửa đất trên với chi phí 700 triệu đồng/01 sổ đỏ, thời gian cấp sổ trước 12 tháng, đưa trước số tiền 1.500.000.000 đồng. Để chị T1 và chị V

tin tưởng, L1 giới thiệu có quen biết Lê Hải Đ (hiện là Phó Chủ tịch UBND thành phố H) có khả năng làm được sổ đỏ với chi phí 750 triệu đồng/01 sổ đỏ, sau 3 tháng sẽ có sổ đỏ.

Tin tưởng thông tin nêu trên, ngày 28/10/2021 chị T1 và Nguyễn Hải L1 ký thỏa thuận để L1 làm thủ tục xin chuyển mục đích sử dụng đất, tách thửa, cấp thành 06 sổ đỏ với chi phí 750 triệu đồng/sổ đỏ (tổng số tiền chị T1 phải trả cho L1 là 4,5 tỷ đồng) trong thời hạn 3 tháng và được gia hạn 2 tháng.

Từ ngày 29/10/2021 đến ngày 29/11/2021, chị Vy Thị T1 đã 07 lần chuyển tiền từ tài khoản số 14023710027016 của chị mở tại ngân hàng TMCP K (T3) Chi nhánh L3 đến tài khoản số 27378888 của Nguyễn Thị Hải L1 mở tại ngân hàng TMCP Á (A1) Phòng G với tổng số tiền 975.000.000 đồng. Ngày 15/11/2021, L1 thuê Công ty TNHH MTV Đ3 đến trích đo, vẽ sơ đồ thửa đất của ông Cát T2 06 thửa đất và yêu cầu chị T1 chuyển số tiền 25.000.000 đồng đến tài khoản số 0040113021006 của anh Trần Duy H mở tại Ngân hàng TMCP Q (MB) thanh toán tiền đo vẽ bản đồ thửa đất. Tiếp theo, đến ngày 29/11/2021 L1 tiếp tục yêu cầu chị T1 chuyển 10.000.000 đồng đến tài khoản của anh Hoàng Việt A mở tại T3 số 19036503701011 để thanh toán tiền đo vẽ.

Đến ngày 06/12/2021, theo yêu cầu của L1, chị T1 đi cùng anh Hoàng Văn D và chị Nguyễn Thị V đến nhà L1 để gặp Lê Hải Đ hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ và chuyển tiền làm sổ đỏ. Tại đây, chị T1 được gặp Lê Hải Đ (lúc này L1 vẫn giới thiệu Đông là Lãnh đạo UBND thành phố H) và được Đông hướng dẫn khai thông tin, ký tên trên một số tài liệu để nộp hồ sơ đề nghị cấp sổ đỏ; trên hồ sơ có chữ kỹ nháy nhưng không ghi tên, Đ giải thích là chữ ký của lãnh đạo thành phố để đánh dấu đây là hồ sơ ưu tiên. Sau đó, chị T1 đưa 1.250.000.000 đồng, L1 đưa thêm số tiền 250.000.000 đồng và giao cho Đ tổng số tiền 1.500.000.000 đồng (đựng trong túi vải, Đ không viết giấy biên nhận) cùng bộ hồ sơ làm sổ đỏ mà chị T1 đã ký. Chị T1 yêu cầu L1 viết biên nhận vào sổ tay nội dung: *"L1 nhận tổng số tiền 2,250 tỷ đồng để làm sổ đỏ đất ở lâu dài tại ngõ E X B, Hà Nội. Thời hạn 90 ngày (kể từ ngày 6/12/2021) sẽ hoàn thành việc cấp sổ đỏ".*

Cũng trong tháng 12/2021, trong khi chị T1 đang chờ L1 làm thủ tục xin cấp sổ đỏ cho chị T1 và ông C thì được biết thông tin con trai ông C là Trần Quốc C1 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V khởi tố, tạm giam về tội mua bán trái phép chất ma túy, chuẩn bị xét xử. Đ giới thiệu với L1 có người nhà làm lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc có thể giảm án cho con ông C nên L1 đã giới thiệu với ông C, chị T1 là bản thân L1 và Đ có quan hệ quen biết với lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao, lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tối cao nên L1 có thể giúp xin cho cháu C1 được xử hình phạt khoảng 7 năm tù giam với chi phí 2.000.000.000 đồng. Ông C phải đưa trước cho L1 số tiền 1.000.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ đưa sau khi C1 bị xét xử. Ông C đồng ý nhưng nhờ chị T1 ứng trước số tiền 500.000.000 đồng đưa cho L1, ông C sẽ trả cho chị T1 bằng tiền hoặc bằng đất sau khi L1 làm được các sổ đỏ đối với thửa đất của ông C.

Ngày 13/12/2021, chị T1 chuyển số tiền 200.000.000 đồng đến tài khoản số 27378888 của L1 để xin giảm án cho cháu C1 (L1 khai đã chuyển cho Đ nhưng không có giấy tờ, bản thân L1 chỉ đưa tiền qua Đông chứ không gặp ai để liên hệ thủ tục xin giảm án cho con ông C). Khoảng vài ngày sau, Đ yêu cầu chị T1, L1 đi cùng Đ đến gặp lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc để xin giảm án nhưng khi đến thành phố V thì Đ yêu cầu đưa tiền để Đ đi gặp riêng; chị T1 đưa cho L1 số tiền 300 triệu đồng (để trong túi nilon) để L1 đưa cho Đ (không viết giấy biên nhận). Kết quả xét xử, cháu C1 bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tuyên phạt 17 năm tù giam. Ông C liên hệ để hỏi thông tin thì biết không có ai liên hệ xin giảm án cho cháu C1 trong vụ án trên.

Đến tháng 02/2022, chị T1 nhiều lần liên lạc với L1, Đ để hỏi tiến độ công việc L1 làm sổ đỏ cho chị T1. Tuy nhiên, L1 đưa ra các lý do để trì hoãn và Đ cam kết hồ sơ đã được Đ gửi đến bộ phận một cửa UBND thành phố H, Đ đã ứng 17.000.000 đồng tiền thuế đất cho chị T1, đến tháng 6/2022 chị T1 sẽ nhận được thông báo nộp thuế đối với 03 thửa đất trước.

Đến ngày 12/5/2022, chị T1 nhận được thông tin Nguyễn Thị Hải L1 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H khởi tố, bắt tạm giam về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Chị T1 đã nhiều lần gọi điện cho Lê Hải Đ để hẹn gặp, yêu cầu Đ trả lại tiền cho chị T1; Đ hứa hẹn sẽ gặp chị T1 để giải quyết công việc nhưng sau đó Đông cắt liên lạc nên chị T1 làm đơn tố giác, đồng thời giao nộp các tài liệu: 01 quyển sổ bìa màu đen bên trong có chữ viết ghi nội dung ngày 06/12/2021 Nguyễn Thị Hải L1 nhận 2.250.000.000 đồng của chị Vy Thị T1; 01 hợp đồng dịch vụ số 02 lập ngày 28/10/2021 giữa Nguyễn Thị Hải L1 và chị Vy Thị T1; 01 giấy giao nhận tiền lập ngày 12/01/2022 giữa Nguyễn Thị Hải L1 và chị Vy Thị T1; 01 USB bên trong chứa 11 file ghi âm thanh các cuộc nói chuyện giữa chị Vy Thị T1, Nguyễn Thị Hải L1, chị Nguyễn Thị V và Lê Hải Đ.

Tại bản Kết luận giám định số 4780/KL-KTHS ngày 23/10/2024, V1 Bộ C2 kết luận: Tiếng nói của người đàn ông trong các mẫu gửi giám định từ A1 đến A5 với tiếng nói của Lê Hải Đ trong mẫu so sánh là của cùng một người.

Bản dịch các cuộc hội thoại có nội dung: Chị Vy Thị T1 đưa tiền cho Nguyễn Thị Hải L1 và một người nam giới tên Đ để làm thủ tục cấp sổ đỏ đối với thửa đất của ông Trần Văn C; chị T1 có đưa cho người tên Đ số tiền 1,5 tỷ đồng, Đ hẹn với chị T1 sau khoảng 6 tháng sẽ làm được thủ tục cấp sổ đỏ cho chị T1; Đông hẹn chị T1 sẽ về để giải quyết việc làm sổ đỏ.

Xác minh tại Văn phòng UBND thành phố H, Văn phòng Đ4 Chi nhánh B: Không có hồ sơ của cá nhân nộp xin chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Vy Thị T1 và ông Trần Văn C đối với thửa đất diện tích 833,6m^2 tại tổ dân phố C, phường X, quận B, thành phố Hà Nội.

Kết quả sao kê tài khoản ngân hàng của chị T1, L1, anh H, anh Việt A có các nội dung giao dịch như đã nêu trên.

Kết quả nhận dạng: Nguyễn Hải L1, chị T1, bà V và anh D nhận dạng được Lê Hải Đ.

Tại Cơ quan điều tra:

Nguyễn Thị Hải L1 khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên và khai: Do Đông cam kết có thể chuyển đổi mục đích sử dụng đất cũng như xin giảm án phạt tù nên L1 là người trực tiếp trao đổi với chị T1. Sau khi nhận của chị T1 tổng số tiền 2.760.000.000 đồng, L1 đã đưa cho Lê Hải Đ 2.100.000.000 đồng nhưng không lập giấy tờ giao nhận (trong đó giao tại nhà L1 1.500.000.000 đồng có chị T1, chị V, anh D biết; việc giao 300.000.000 đồng trên xe ô tô tại khu vực tỉnh Vĩnh Phúc có chị T1 cùng tham gia đưa cho Đ; số tiền còn lại 300.000.000 đồng L1 không có tài liệu chứng minh).

Chị Vy Thị T1 khai nội dung như đã nêu trên và yêu cầu L1, Đ phải trả lại cho chị số tiền 2.760.000.000 đồng đã chiếm đoạt.

Chị Nguyễn Thị V và anh Hoàng Văn D khai nhận như nội dung trên và khai có chứng kiến Đ cầm túi vải đựng tiền từ nhà L1 đi ra sau khi gặp chị T1 và L1. Chị V không biết việc L1 đưa ra thông tin gian dối về khả năng làm sổ đỏ và giảm án cho con trai ông C; chị V được L1 cho 70.000.000 đồng là tiền công môi giới.

Lê Hải Đ khai không thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt như đã nêu trên, không nhận số tiền 1.500.000.000 đồng như chị T1 và L1 khai mà khai trước đây Đ làm ở Đội Thanh tra xây dựng Quận H có kinh nghiệm và kiến thức về một số thủ tục giấy tờ về đất đai. Quá trình làm việc có quen biết L1, sau này được L1 nhờ đến nhà hướng dẫn chị Vy Thị T1 khai thông tin trên hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được L1 trả công số tiền 01 triệu đồng. Đông có giúp L1 nói chuyện điện thoại và được L1 trả công số tiền 01 triệu đồng; Đ có giúp L1 nói chuyện điện thoại với chị T1 và xác nhận hồ sơ đề nghị cấp GCNQSD đất của chị T1 đã được Đông nộp cho bộ phận một cửa UBND thành phố H.

Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất, kết quả: Lý, Đ và chị T1 vẫn giữ nguyên lời khai như đã nêu trên.

2. Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Lê Hải Đ không thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng do đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã nêu.

Bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

3. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 683/2025/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Hải Đ phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 50, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Hải Đ 14 (mười bốn) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/6/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Hải Đ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm và phổ biến về quyền kháng cáo theo quy định.

4. Kháng cáo: Ngày 23/9/2025, bị cáo Lê Hải Đ có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, cho rằng bị cáo bị kết án oan sai.

5. Tại phiên tòa phúc thẩm:

5.1. Bị cáo Lê Hải Đ ban đầu vẫn khai báo quanh co và cho rằng bị cáo bị kết án oan sai. Tuy nhiên, sau khi Hội đồng xét xử thực hiện thủ tục xét hỏi tại phiên tòa thì bị cáo đã thay đổi ý kiến xác nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

5.2. Kiểm sát viên đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng, trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng khác chấp hành nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, có đủ cơ sở xác định bị cáo Lê Hải Đ đã thực hiện những hành vi đúng như được mô tả tại Bản án sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Lê Hải Đ phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và xử phạt bị cáo 14 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai như nội dung đơn kháng cáo của bị cáo cũng như ý kiến trình bày ban đầu của bị cáo tại phiên tòa. Tuy vậy, quá trình xét hỏi làm rõ hành vi của bị cáo thì bị cáo đã có sự thay đổi về nhận thức, bị cáo đã xác định được hành vi phạm tội của mình và xin giảm nhẹ hình phạt nên có cơ sở áp dụng cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, qua đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo Lê Hải Đ từ 9 đến 12 tháng tù.

5.3. Người bào chữa cho bị cáo Lê Hải Đ phát biểu ý kiến: Luật sư nhất trí với ý kiến của Kiểm sát viên đã phát biểu và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có nhân thân tốt, quá trình làm việc trước đây có nhiều thành tích, cha mẹ bị cáo đã trên 90 tuổi, gia đình có người thân thích có công với cách mạng, hoàn cảnh gia đình khó khăn và Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án quá nghiêm khắc để cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc xác định hành vi phạm tội, tội danh và khung hình phạt:

Trên cơ sở nội dung vụ án; đánh giá lời khai của bị cáo, của bị hại, của những người làm chứng; xem xét các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Lê Hải Đ quen biết Nguyễn Thị Hải L1 từ năm 2016 qua hoạt động kinh doanh bất động sản. Do cần tiền chi tiêu cá nhân, khoảng tháng 10/2021 Nguyễn

Thị Hải L1 đã đưa ra các thông tin gian dối là có mối quan hệ với cán bộ lãnh đạo UBND thành phố H có thể làm được thủ tục xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tách thửa đất, làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Vy Thị T1 đối với thửa đất của ông Trần Văn C tại phường X, quận B, thành phố Hà Nội và cũng có khả năng xin giảm nhẹ hình phạt cho con trai ông Trần Văn C khi bị xét xử tại tỉnh Vĩnh Phúc. Thực tế, Lê Hải Đ không công tác tại UBND thành phố H và cũng không có khả năng thực hiện các công việc như Nguyễn Thị Hải L1 đã đưa ra các thông tin nêu trên nhưng Lê Hải Đ đã cấu kết chặt chẽ với Nguyễn Thị Hải L1 thực hiện nhiều thủ đoạn làm cho chị Vy Thị T1 tin tưởng, chuyển cho L1 tổng số tiền 2.760.000.000 đồng (trong đó, Lê Hải Đ đã nhận 1.800.000.000 đồng). Sau khi nhận tiền, Nguyễn Thị Hải L1 và Lê Hải Đ không thực hiện công việc gì như cam kết mà chiếm đoạt để chi tiêu cá nhân hết số tiền nêu trên.

Hành vi của Nguyễn Thị Hải L1 đã bị Tòa án tuyên phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" (theo Bản án hình sự phúc thẩm số 347/2024/HS-PT ngày 19/4/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội). Còn Lê Hải Đ bỏ trốn, đến ngày 17/5/2024 Lê Hải Đ đến Công an phường B, Quận H, thành phố Hà Nội đầu thú.

Với những hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Lê Hải Đ phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" thuộc trường hợp "Chiếm đoạt tài sản giá trị 500.000.000 đồng trở lên" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[2] Về việc quyết định hình phạt:

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, vai trò đồng phạm và hậu quả từ hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng của bị cáo. Đồng thời, đã xác định bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự do quá trình công tác trước đây bị cáo được 02 lần UBND Quận H tặng Giấy khen; gia đình có người thân thích có công với cách mạng. Bên cạnh đó còn xem xét việc bị cáo bỏ trốn sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đầu thú nhưng không khai nhận hành vi phạm tội và bị cáo chưa bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại khoản tiền nào. Từ đó, đã quyết định xử phạt bị cáo Lê Hải Đ 14 năm tù là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Bị cáo Lê Hải Đ kháng cáo cho rằng bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án oan, sai. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã có sự thay đổi về nhận thức, tỏ ra ăn năn hối cải, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình và xin giảm nhẹ hình phạt. Bên cạnh tình tiết này và xét trong vụ án bị cáo không phải là người khởi xướng, cha mẹ của bị cáo tuổi đã cao. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên và ý kiến của người bào chữa cho bị cáo phát biểu tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận. Theo đó, cần sửa bản án sơ thẩm áp dụng cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm cho bị cáo Lê Hải Đ một phần hình phạt, vừa bảo đảm chính sách

khoan hồng, nhân đạo của pháp luật, vừa bảo đảm tính nghiêm minh đối với người phạm tội, giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và yêu cầu đấu tranh phòng ngừa, chống tội phạm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Căn cứ vào điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 683/2025/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về phần hình phạt đối với bị cáo Lê Hải Đ.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và các Điều 17, 50, 58, 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Hải Đ 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/6/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Hải Đ.

2. Các quyết định của Bản án sơ thẩm về nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Hải Đ không phải chịu.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 06 tháng 01 năm 2026).

Nơi nhận:
- Vụ 1 Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Trại tạm giam số 2 Công an TP Hà Nội;
- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;
- Bị cáo; người bào chữa cho bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Điền